

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/DS-ST

Ngày: 27-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phụng;

Ông Nguyễn Công Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số 126/2019/TLST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 2, ấp D, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Đình K, sinh năm 1966 và bà Trương Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp Hội Thắng, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 30-11-2018 anh có cho vợ chồng ông Trần Đình K, bà Trương Thị H vay số tiền 98.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 0,2%/tháng, mục đích vay tiền là dùng để đáo hạn Ngân hàng, khi vay ông K, bà H không thể chấp tài sản gì, đến hạn trả nợ nhưng ông K, bà H không trả nợ cho anh như thỏa thuận, anh có yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông K, bà H cứ tránh né mà không thực hiện. Do đó, nay anh yêu cầu vợ chồng ông K, bà H trả số tiền vay gốc 98.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Đình K, bà Trương Thị H nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến nên coi như ông K, bà H từ bỏ quyền lợi của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Trần Đình K, bà Trương Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt ông K, bà H là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì yêu cầu trả tiền vay gốc của anh Nguyễn Văn T là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với ông Trần Đình K và bà Trương Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Trần Đình K và bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vay 98.000.000 đồng, ghi nhận anh T không yêu cầu tính tiền lãi.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đình K và bà Trương Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Đình K và bà Trương Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà H.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Trần Đình K và bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả lại số tiền vay 98.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông K, bà H đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến nên coi như ông K, bà H từ bỏ quyền lợi của mình.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh T, Hội đồng xét xử nhận định: Khi anh T khởi kiện cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy vay

tiền ghi ngày 30-11-2018 có nội dung “Người vay tiền: Trần Đình K, sinh năm 1966....Trương Thị H, sinh năm 1967.....có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 98.000.000 đồng...” tại bút lục số 22, chứng cứ này cũng đã được Tòa án công khai nhưng ông K, bà H không có ý kiến nên căn cứ Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[3] Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do anh T cung cấp khi nộp đơn khởi kiện cũng như trong khi giải quyết vụ án xác định, anh Nguyễn Văn T có cho ông Trần Đình K và bà Trương Thị H vay số tiền 98.000.000 đồng là đúng và đến nay ông K, bà H chưa trả được số tiền vay cho anh T như thỏa thuận theo giấy vay tiền nên nay anh T yêu cầu ông K, bà H trả lại số tiền vay 98.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T không yêu cầu ông K, bà H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với ông Trần Đình K và bà Trương Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Trần Đình K và bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vay 98.000.000 đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu ông K, bà H trả tiền lãi.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đình K và bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với ông Trần Đình K và bà Trương Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Trần Đình K, bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vay 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng. Ghi nhận anh Nguyễn Văn T không yêu cầu ông K, bà H phải trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đình K, bà Trương Thị H phải chịu 4.900.000 (bốn triệu, chín trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.450.000 (H triệu, bốn trăm năm

mười nghìn) đồng tại biên lai thu số 0015284 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Đình K và bà Trương Thị H có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc